TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Niểu.

2. Ông Trương Thanh Quang.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lâm Ngọc A, sinh năm 1987; Nơi đăng ký thường trú: ấp Phú L B, xã Phú T B, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: số C14/X, Quốc lộ XA, xã Tân K, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1987; Nơi đăng ký thường trú: ấp Phú L B, xã Phú T B, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: C7/X Dương Đình C, ấp X, xã Tân K, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2022, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, anh Lâm Ngọc A, trình bày: Vào năm 2015, anh và chị Trần Thị H, sau thời gian tìm hiểu nhau, đã đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú T B, huyện Hồng N vào năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm thuê tại huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung là Lâm Phước D. Đến tháng 07 năm 2021, vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hay cãi vã và từ đó ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân không hàn gắn tình cảm được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H. Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Phước D, sinh ngày 01/9/2018, hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị H, trình bày: Vào năm 2015, chị và anh A, sau thời gian tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân. Năm 2018, có 01 con chung. Năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú T B. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm thuê tại huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tháng 07 năm 2021, vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do chuyện tiền bạc và chuyện tình cảm vợ chồng. Khi hòa giải chị không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng con, nhưng tại phiên tòa, chị thống nhất ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Phước D, sinh ngày 01/9/2018 hiện đang sống với anh A. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lâm Ngọc A với chị Trần Thị H. Về con chung: Giao con chung cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lâm Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Ngọc A và chị Trần Thị H được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, anh A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị H.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh A: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận thuận tình ly hôn, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Tuy nhiên, các đương sự còn tranh chấp về quyền nuôi con, nên Hội đồng xét xử không ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được, mà phải giải quyết việc ly hôn phần con chung.

[4] Về con chung: Chị H trình bày thu nhập hàng tháng của chị là 8.500.000 đồng. Ngoài ra, chị còn đang nuôi con riêng 11 tuổi, nhưng có cha cháu cấp dưỡng hàng tháng. Cho nên, chị đủ khả năng để nuôi cả con riêng và con chung. Chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con bao nhiêu cũng được. Chị làm công nhân kiểm hàng, có thời gian chăm lo cho con, còn anh A là lái xe, nhậu nhẹt, ít có thời gian để lo cho con. Phía anh A trình bày, thu nhập hàng tháng của anh là 11.000.000 đồng, đủ điều kiện để lo cho con, vẫn sắp xếp thời gian rước con được vì chỉ giao hàng tại huyện Bình C. Xét, cháu Lâm Phước D đang sống chung với anh A, đang đi học, anh A đang nuôi dạy tốt, cháu đã quen với nếp sống cùng anh A. Vì vậy, nên giữ nguyên việc nuôi con để tránh xáo trộn cuộc sống của bé và cũng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó, chấp nhận cho anh A được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh A tự nguyện không yêu cầu.

[5] Về quyền thăm nom con: Chị H được quyền thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Lâm Ngọc A chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 53, 55, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa anh Lâm Ngọc A với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Lâm Ngọc A.

2.1. Anh Lâm Ngọc A được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Phước D, sinh ngày 01/9/2018.

2.2. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lâm Ngọc A chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004062 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú